

Bản án số: 02/2018/HSST
Ngày 16/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh, ông Đường Ngọc Đại

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bích – Thư ký TAND thị xã P Y.

Đại diện VKSND thị xã P Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Đăng -
Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân thị xã P Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX ST – HS ngày 03/01/2018 đối với bị cáo.

Nguyễn Thị H sinh ngày 22 tháng 4 năm 1983 tại Vĩnh Phúc

Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thăng L (đã chết) và bà Triệu Thị X ; có chồng Đặng Hùng S và có 03 con lớn sinh năm 2006 nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương “có mặt”.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1993 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Thôn Văn L, xã Tam Đ, huyện M L, thành phố Hà Nội

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1998 “vắng mặt”

Nơi cư trú: Thôn Cao S, xã Vĩnh T h, huyện Yên T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h30 phút ngày 04.9.2017, Nguyễn Thị H là công nhân của Công ty GS Vina thuộc kho Tùng Chi, có địa chỉ tại phường P T, thị xã P Y, sau khi hết giờ làm việc H đến lán để xe của Công ty để lấy xe ra về. Tại đây H nhặt được 01 chiếc thẻ ATM Vietinbank mang tên chủ thẻ là NGUYEN THỊ KIM DEM, khi

đó H biết chiếc thẻ ATM là của chị Nguyễn Thị Kim Đ là bạn làm cùng công ty với H. H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản (tài khoản số 107866857086) của chị Đ nên đã cất giấu thẻ ATM vào trong cốp xe của mình rồi đi về nH.

Đến ngày 08/9/2017 sau khi biết công ty đã trả lương cho công nhân qua thẻ ATM nên đến 16h40 phút cùng ngày H cùng với chị Nguyễn Thị Phương T là bạn làm cùng công ty, đến cây ATM trước của Ngân Hàng Vietinbank Phúc Yên thuộc tổ 11, phường T, thị xã P Y để rút tiền. Đến nơi chị T vào trong cây ATM rút tiền của mình, còn H đứng bên ngoài chờ. Sau khi chị T rút tiền xong đi ra ngoài, H cầm thẻ AMT của chị Đ vào bên trong cây ATM để rút tiền. H cho thẻ ATM của chị Đ vào trong cây, khi đó cây ATM yêu cầu nhập mã truy cập tài khoản, do biết trước chị Đ đặt mã truy cập tài khoản thẻ ATM theo ngày tháng và 2 số cuối của năm sinh con chị Đ và biết ngày tháng năm sinh con chị Đ nên H nhập số 040916 nhưng không mở được, H tiếp tục nhập lại theo số 041016 thì mở được tài khoản. Tiếp đó H thao tác rút và chiếm đoạt 5.000.000đ trong tài khoản của chị Đ, thấy trong tài khoản vẫn còn tiền H tiếp tục chiếm đoạt thêm 2.800.000đ. Chiếm đoạt tiền xong H lấy thẻ ATM của chị Đ và hóa đơn rút tiền vứt bỏ ở rìa đường cạnh đó. Số tiền 7.800.000đ trên H đã tiêu sài cá nhân hết.

Đối với chiếc thẻ ATM của chị Đ và hóa đơn rút tiền, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với 7.800.000đ là khoản tiền H đã chiếm đoạt của chị Đ. Sau khi bị phát hiện H đã trả lại cho chị Đ, chị Đ không có đề nghị bồi thường gì thêm.

Đối với chị Nguyễn Thị Phương T không biết H có Hnh vi phạm tội nên không đề cập việc xử lý.

Trong giai đoạn điều tra Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, tự nguyện trả lại cho chị Đ 7.800.000đ, đến nay chị Đ không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Bản cáo trạng số: 02/KSĐT – TA ngày 18/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Sử dụng phương tiện điện tử thực hiện Hnh vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 1 Điều 290 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên được phân công duy trì công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 290, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Thị H từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ 16 giờ 40 phút đến 16 giờ 42 phút ngày 08/9/2017 tại cây ATM phía trước Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Phúc Yên thuộc tổ 11, phường T, thị xã P Y, Nguyễn Thị H có Hnh vi dùng thẻ ATM rồi truy nhập bất hợp pháp vào tài khoản cá nhân của chị Nguyễn Thị Kim Đ chiếm đoạt số tiền 7.800.000đồng. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Nguyễn Thị H đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tội danh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điểm c khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự 2015 quy định:

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

c) Truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của cơ quan, tổ chức, cá nhân nhằm chiếm đoạt tài sản;

[2] Xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo lần đầu phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt bị cáo đã tự nguyện trả cho người bị hại. Đó là những tình tiết giảm nhẹ về trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có. Xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo hưởng án treo, quyết định như vậy là có căn cứ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về thủ tục tố tụng : Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 290; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù về tội “Sử dụng phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách Tòa án giao bị cáo H cho UBND phường T, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi Hành án hình sự.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS + CA thị xã P Y ;
- THA hình sự + dân sự;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND phường T;
- Lưu: VP + HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Tâm

